

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số 198/2018/HC-PT
Ngày 12/11/2018
V/v “*Kiến quyết định giải quyết tranh
chấp đất đai*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Kim Nhân - Thẩm phán

Các Thẩm phán: Ông Trương Công Thi, ông Nguyễn Tấn Trường

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thanh Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Thanh - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 12 tháng 11 năm 2018, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa công khai tại trụ sở để xét xử phúc thẩm vụ án hành chính thụ lý số 199/2018/TLPT-HC ngày 02/8/2018 về “*Kiến quyết định giải quyết tranh chấp đất đai*” do Bản án hành chính sơ thẩm số 10/2018/HC-ST ngày 19/6/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 199A/2018/QĐ-PT ngày 25/10/2018 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện:

1.1. Ông Dương Văn L sinh năm 1949;

1.2. Bà Trần Thị Đ (vợ ông L) sinh năm 1954;

Địa chỉ: thôn L, xã T, huyện L, tỉnh Quảng Bình.

Ông L ủy quyền cho vợ là bà Đ tham gia tố tụng theo Giấy ủy quyền ngày 02/02/2018. Ngày 22/5/2018 ông L chết, người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông L gồm: Chị Dương Thị H; anh Dương Đức H; anh Dương Đức H1; anh Dương Đức D; anh Dương Đức D1; anh Dương Đức D2; chị Dương Thị Phương Q và chị Dương Thị Phương D đều ủy quyền cho bà Đ tham gia tố tụng tại Tòa án; Giấy ủy quyền được UBND xã T chứng thực ngày 07/6/2018; bà Đ có mặt tại phiên tòa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Dương Văn L: ông Trần Văn L, Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Quảng Bình; ông L có mặt.

2. Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình

Địa chỉ: tỉnh Quảng Bình; Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Bình (do Phó Chủ tịch ký) có Văn bản số 1869/UBND-GĐN ngày 05/11/2018 đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Chủ tịch UBND huyện L; ông Đặng Đại T (Chủ tịch UBND huyện L) có Văn bản số 2439/UBND-TNMT ngày 05/11/2018, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt;

3.2. Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Quảng Bình; do ông Nguyễn Văn K là người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND xã T; ông K có đơn được UBND xã T xác nhận ngày 05/11/2018, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

3.3. Bà Đỗ Thị L, trú tại thôn L, xã T, huyện L, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

3.4. Ông Trần Đình P; địa chỉ thôn L, xã T, huyện L, tỉnh Quảng Bình; có đơn được UBND xã T xác nhận ngày 09/11/2018 đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

3.5. Bà Nguyễn Thị Xuân B (trú tại thôn L, xã T, huyện L, tỉnh Quảng Bình), ủy quyền cho ông Đinh Tiến D3 (trú tại thôn L, xã T, huyện L, tỉnh Quảng Bình), ông D3 có đơn ngày được UBND xã T xác nhận ngày 07/11/2018 đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

4. Người làm chứng theo yêu cầu của bà Đ

4.1. Ông Võ Xuân D4 (trú tại thôn L, xã T, huyện L, tỉnh Quảng Bình), ông D4 có mặt;

4.2. Ông Trương Công T (trú tại thôn L, xã T, huyện L, tỉnh Quảng Bình), ông T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo Đơn khởi kiện đề ngày 08/12/2017, đơn khởi kiện bổ sung ngày 21/12/2017 và quá trình tố tụng, người khởi kiện là bà Trần Thị Đ trình bày:

Thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước phủ xanh đất trống đồi trọc, phát triển kinh tế xóa đói giảm nghèo, năm 1982 gia đình bà Đ, ông L là một trong những hộ đầu tiên vào núi Ô Ô khai khẩn được khoảng 12.000m² đất trồng keo, trà, khoai, sắn (4 phía có hàng rào cây xanh bao quanh giữ đất). Năm

1985, gia đình bà đặt các phần mộ ông bà trên thửa đất này (thửa đất đang tranh chấp tại thôn L, xã T, huyện L, tỉnh Quảng Bình).

Năm 2002, ông Võ Hào Q - Bí thư Đảng ủy xã T (đã chết) và vợ là bà Đỗ Thị L ngang nhiên chiếm đoạt đất của gia đình bà để sử dụng và nói với bà rằng mảnh đất này ông Q đã được cấp Sổ đỏ nên bà đã giao đất cho cho vợ chồng ông Q sử dụng. Sau năm 2013 giữa hai gia đình xảy ra tranh chấp do ông P làm nhà thuê máy ngoạm đất sát vào phần mộ của gia đình bà, bà cản trở thì bà L khiêu nại tranh chấp đất với gia đình bà. Tại buổi hòa giải tiến hành ở UBND xã Trường Thủy, bà mới biết diện tích đất tranh chấp vợ chồng ông Q, bà L chưa được cấp sổ đỏ. Ngày 26/01/2016, Chủ tịch UBND huyện L ban hành Quyết định số 288/QĐ-UBND, giải quyết tranh chấp đất đai giữa bà Đ với bà L với nội dung không công nhận yêu cầu của bà Đ đòi được quyền sử dụng diện tích đất tranh chấp. Không đồng ý với Quyết định 288, bà Đ khiêu nại thì ngày 12/9/2016, Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Bình ban hành Quyết định số 2759/QĐ-UBND và sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 3984/QĐ-UBND, không chấp nhận yêu cầu của bà Đ đòi được quyền sử dụng 320m² đất tại thửa 317 (phía Bắc phần đất bà L đang sử dụng). Không đồng ý với Quyết định 3984, vợ chồng bà Đ, ông L khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử hủy Quyết định 3984/QĐ-UBND nêu trên và công nhận vợ chồng bà Đ được quyền sử dụng đất đang tranh chấp với lý do thửa đất 317 không có thật; UBND xã tự ý vẽ thửa 317 trùm lên thửa 315, 316 mà bà Đ đã được cấp giấy chứng nhận số AI 928993.

Ngày 04/4/2018, Tòa án nhận được đơn của bà Đ đề ngày 19/3/2018 và Đơn đề ngày 25/3/2018 yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị Xuân B, buộc bà B phải trả lại diện tích cho gia đình bà Đ do bà B chiếm dụng là 1.764m², buộc bà B phải bồi thường thời gian chiếm dụng đất 15 năm x 30 triệu/năm = 450.000.000 đồng; tiền thu phí, lệ phí khai thác rừng từ 2011 đến 2018 là 7 năm x 70.000 đồng/năm = 490.000 đồng; buộc bà L và ông P ngoài việc trả lại diện tích đất đã chiếm đoạt của bà Đ là 3.986,3m² tại thửa 315, 316 còn phải bồi thường cho bà Đ lệ phí khai thác rừng trong 7 năm x 70.000 đồng/năm = 490.000 đồng và phải bồi thường thời gian chiếm dụng đất 16 năm x 30 triệu/năm = 480 triệu đồng, chi phí bà Đ đi lại khiêu nại 5 năm x 30.000.000 đồng/năm = 150.000.000 đồng, tổng cộng 630.490.000 đồng.

Ngoài ra, bà Đ còn yêu cầu xem xét lại Biên bản thẩm định tại chỗ ngày 21/3/2018 vì: Hội đồng thẩm định có Chủ tịch UBND xã T và Công chức địa chính Xã tham gia trong khi 02 người này đang bị tố cáo; thửa đất số 317 tờ bản đồ số 8 ông L, bà Đ đã sử dụng từ năm 1982 đến nay, trong đó có 128m² đất có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, còn lại bị bà L, bà B chiếm đoạt, nhưng Biên bản thẩm định tại chỗ không ghi; không có thửa số 317 mà do UBND xã T

tự ý ghi thêm; bà L sử dụng 2.769,7m² đất, bà B sử dụng 360m² đất, nhưng Biên bản thẩm định không ghi rõ là chiếm dụng của bà Đ; Biên bản không ghi ý kiến của bà L thừa nhận với thanh tra liên ngành rằng bà Đ có hai hàng cây bạch đàn 12 năm tuổi.

- *Người bị kiện là Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Bình* tại Văn bản đề ngày 19/01/2018 có ý kiến là không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đ yêu cầu hủy Quyết định 3984/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Bình và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Chủ tịch UBND huyện L trình bày:* Đối với nội dung liên quan đến yêu cầu của người khởi kiện liên quan đến việc tranh chấp đất đai giữa bà Đ với bà L thì Chủ tịch UBND huyện L đã thụ lý giải quyết và căn cứ thực tiễn sử dụng đất, hồ sơ, tài liệu và các văn bản pháp luật có liên quan để ban hành Quyết định số 288/QĐ-UBND ngày 26/01/2016 về việc thanh tra giải quyết việc tranh chấp đất đai. Bà Đ khiếu nại Quyết định 288/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND huyện L nên tại Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Bình đã ban hành Quyết định số 3984/QĐ-UBND ngày 14/12/2016 (thay thế Quyết định số 2759/QĐ-UBND ngày 12/6/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Bình) “*Công nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Trần Thị Đ với phần diện tích 320m² là một phần diện tích của thửa đất 317, tờ bản đồ số 8 xã T, vị trí nằm ở cạnh phía Bắc của thửa đất với chiều rộng 5 mét, dài 64 mét. Công nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Nguyễn Thị Loan với diện tích 2.153,3m² đất tại thửa đất số 317, tờ bản đồ số 8 xã T*”. Nay bà Đ khởi kiện yêu cầu hủy các quyết định nêu trên thì Chủ tịch UBND huyện L đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Đỗ Thị L trình bày:* Năm 2002 đến năm 2006 gia đình bà L được dự án trồng rừng 661 cấp đất trồng keo, trà. Từ năm 2002 đến năm 2013, gia đình bà L đã trồng 03 lứa keo, trà, đến tháng 5/2013 đã khai thác xong nên dự định chuyển đổi cây trồng và thuê máy vào san ủi đất thì bà Đ tranh chấp. Việc bà Đ tranh chấp đất với Bà đã được giải quyết qua nhiều cấp từ thôn, xã đến huyện rồi đến tỉnh nhưng bà Đ chưa đồng ý mà vẫn khởi kiện nên bà L không đồng tình với yêu cầu khởi kiện của bà Đ.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Trần Đình P trình bày:* Năm 2014, Anh mượn đất của bà L để làm nhà tạm sinh sống, khi anh đến làm nhà không có ai phản đối; sau này khi bà Đ tranh chấp đất với bà L, Anh mới biết đất anh làm nhà thuộc thửa 317; Anh chỉ là người mượn đất làm nhà ở tạm nên không có ý kiến về việc phân định đất của ai.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là UBND xã T thống nhất với trình bày của UBND huyện L và nhất trí cao với Quyết định số 3984/QĐ-UBND ngày 14/12/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Bình.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Xuân B trình bày: Thửa đất 317 bà Đ tranh chấp với bà L không liên quan đến thửa đất số 309 (cạnh thửa 317) hiện Bà đang sử dụng và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 10/2018/HC-ST ngày 19/6/2018, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình quyết định:

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính, Điều 203 Luật đất đai năm 2013, Nghị quyết về án phí, lệ phí Tòa án, xử bác yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Đ, ông Dương Văn L về yêu cầu huỷ quyết định giải quyết tranh chấp đất đai số 3984/QĐ-UBND ngày 14/12/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Bình.

Về án phí: Bà Trần Thị Đ, ông Dương Văn L được miễn án phí hành chính sơ thẩm; hoàn trả lại vợ chồng bà Đ, ông L 300.000 đồng tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0004975 ngày 05/01/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình.

- Ngày 25/6/2018, bà Trần Thị Đ kháng cáo cho rằng kết luận trong bản án không phù hợp với các tình tiết khách quan của vụ án.

- Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

+ Người khởi kiện (bà Đ) giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo cho rằng vợ chồng bà L lấn chiếm trái phép đất của Bà nhưng vẫn được chính quyền các cấp giải quyết công nhận cho bà L.

+ Ông Trần Văn L, Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Quảng Bình tham gia bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Đ đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đ huỷ Quyết định số 3984/QĐ-UBND ngày 14/12/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Bình, công nhận toàn bộ diện tích đất bà L đang sử dụng là của bà Đ.

+ Đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Luật tố tụng hành chính; về nội dung đề nghị cấp phúc thẩm bác kháng cáo của bà Đ, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Căn cứ các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, căn cứ đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về đối tượng khởi kiện, thẩm quyền giải quyết: Diện tích đất tranh chấp thuộc thửa 317, tờ bản đồ số 8 thôn L, xã T, huyện L, tỉnh Quảng Bình, hiện chưa được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và các bên tranh chấp không có một trong các loại giấy tờ quy định tại khoản 1 Điều 100 Luật Đất đai năm 2013; các bên không tranh chấp tài sản trên đất nên Chủ tịch UBND huyện L giải quyết tranh chấp đất đai lần thứ nhất và Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Bình giải quyết tranh chấp đất đai lần thứ hai là đúng thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 2, khoản 3 Điều 203 Luật Đất đai năm 2013; trình tự thủ tục giải quyết tranh chấp thực hiện theo quy định tại Điều 89 Nghị định số 43/2014 ngày 15/5/2014 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Đất đai năm 2013; do đó, khi bà Đ khởi kiện quyết định giải quyết tranh chấp đất đai của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Bình thì Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình thụ lý giải quyết vụ án là đúng đối tượng khởi kiện, thẩm quyền giải quyết theo quy định tại khoản 1 Điều 30, Điều 32 Luật tố tụng hành chính 2015.

[1.2]. Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 14/12/2016, Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Bình ban hành Quyết định số 3984/QĐ-UBND (Quyết định này thay thế Quyết định số 2759/QĐ-UBND ngày 12/6/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Bình) giải quyết tranh chấp đất đai lần thứ hai giữa bà Đ với bà L nên ngày 08/12/2017 bà Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy quyết định 3984/QĐ-UBND nêu trên là còn thời hiệu khởi kiện vụ án hành chính theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật tố tụng hành chính 2015.

[1.3]. Về tư cách người tham gia tố tụng: Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xác định vợ chồng ông Dương Văn L, bà Trần Thị Đ là người khởi kiện (ông L chết sau khi khởi kiện nên vợ con ông L là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông L); Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Bình là người bị kiện; Chủ tịch UBND huyện L, UBND xã T, bà Đỗ Thị L, ông Trần Đình P và bà Nguyễn Thị Xuân Đ là những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đúng quy định tại các Điều 59, 60 Luật tố tụng hành chính năm 2015.

[2]. Về tính hợp pháp của Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai số 3984/QĐ-UBND ngày 14/12/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Bình là đối tượng bị khởi kiện thì cấp phúc thẩm thấy rằng:

[2.1]. Bà Đ trình bày diện tích đất gia đình bà L hiện đang sử dụng là diện tích đất gia đình Bà sử dụng từ năm 1982, thể hiện qua việc gia đình bà Đ đã trồng keo, tràm bao quanh thửa đất và đặt một phần mộ của gia đình bà Đ trên diện tích đất này. Năm 2002, ông Trần Hào Quang (nay đã chết) là chồng bà L nói với bà Đ là diện tích đất này ông Q đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất nên bà Đ đã để cho gia đình ông Q, bà L sử dụng từ đó đến nay; khi xảy ra tranh chấp, bà Đ mới biết diện tích đất này ông Q chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất như ông Q nói với bà Đ trước đây. Theo bà Đ thì diện tích đất tranh chấp vẫn còn 03 hàng cây, hàng cách hàng 3 mét, cây cách cây 2,5 mét do gia đình bà Đ trồng và diện tích đất này thuộc một phần thửa 315, 316 với tổng diện tích 2.138m² mà UBND huyện L đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình bà Đ; không thuộc thửa 317 như Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai số 3984/QĐ-UBND ngày 14/12/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Bình nêu. Trong khi đó, bà L trình bày diện tích đất có tranh chấp, gia đình bà L đã sử dụng từ năm 2002 đến nay, bà L không biết rõ đất có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hay chưa vì giấy tờ đất đai do chồng bà L (ông Q) khi còn sống quản lý; bà L chỉ biết bà L nhận diện tích đất có cây trồng này từ dự án 661 và khai thác từ đó đến nay nhiều đợt, nhưng gia đình bà Đ không phản đối.

[2.2]. Các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện diện tích đất mà bà Đ tranh chấp với bà L thuộc thửa 317, tờ bản đồ số 8, thôn L, được Đoàn 303 thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường đo vẽ cùng lần với thửa đất 315, 316 mà hộ gia đình bà Đ đã được UBND huyện L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2007, tại Phiếu giao nhận đất thể hiện ông Dương Văn L (chồng bà Đ) nhận thửa 315, 316, ông Võ Hào Q nhận thửa 317; việc giao nhận đất cho các hộ dân trên địa bàn được niêm yết công khai tại trụ sở UBND xã T theo đúng quy định của pháp luật, lúc này vợ chồng ông L, bà Đ không có ý kiến phản đối việc ông Q được giao nhận thửa 317. Thực tế đo đạc cho thấy, hiện nay diện tích đất bà Đ sử dụng tại thửa 315 và thửa 316 vẫn đủ theo diện tích đất hộ gia đình bà Đ được cấp ghi trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; còn thửa 317 diện tích 3.172m² (theo bản đồ) hiện do bà L và bà B sử dụng (ngoài thửa đất bà B đã được cấp giấy chứng nhận); như vậy, trình bày của bà Đ cho rằng không có thửa đất 317 mà UBND xã T tự vẽ ra để chiếm đoạt diện tích đất tại thửa 315, 316 của bà Đ là không có cơ sở.

[2.3]. Theo bà Đ thì từ năm 1982 gia đình bà Đ đã vào sử dụng diện tích đất tranh chấp (nay thuộc thửa 317) để trồng tràm, đến năm 2002 thì bị vợ chồng ông Q, bà L vào chiếm dụng, sử dụng đến nay. Nội dung Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai lần 2 số 3984/QĐ-UBND ngày 14/12/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Bình xác định tại thửa đất 317 thì gia đình bà Đ có trồng 02 hàng cây tràm dài 64m, hàng cách hàng 2,5 mét, phía Bắc thửa đất nên công nhận gia đình bà Đ có quyền sử dụng do có trồng 2 hàng cây tràm là 320m² đất. Tuy nhiên, kết quả xem xét thực tế cho thấy tại thửa 317 chỉ có 01 hàng cây tràm nằm ở phía Bắc thửa đất và một nhà tạm do anh Phóng làm (anh Phóng trình bày anh mượn đất của bà L làm nhà ở tạm). Theo bà L sở dĩ nội dung

Quyết định 3984/QĐ-UBND ngày 14/12/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Bình ghi có 02 hàng cây tràm do bà Đ trồng để công nhận quyền sử dụng diện tích đất này cho bà Đ là vì bà L tự nhận với đoàn Thanh tra liên ngành theo hướng có lợi cho bà Đ, chứ thực tế chỉ có một hàng cây do gia đình bà Đ trồng; như vậy, nội dung Quyết định 3984/QĐ-UBND ngày 14/12/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Bình công nhận bà Đ có quyền sử dụng 320m² đất hiện nằm trong thửa 317 do bà L quản lý từ năm 2002 đến nay là đã có lợi cho bà Đ.

[3]. Về việc bà Đ yêu cầu bà L bồi thường thiệt hại do chiếm dụng đất của gia đình bà Đ là vượt phạm vi khởi kiện ban đầu nên Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét, giải quyết là đúng quy định tại Điều 173 Luật Tố tụng Hành chính 2015. Về việc bà Đ yêu cầu huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà UBND huyện L đã cấp cho bà Nguyễn Thị Xuân B và các yêu cầu khác thì trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã giải thích bà Đ có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác nếu có căn cứ cho rằng việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà B có ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà Đ là có cơ sở, đúng pháp luật.

[4]. Về những khiếu nại khác của bà Đ đối với thành phần Hội đồng xem xét thẩm định tại chỗ ngày 21/3/2018 thì Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, giải quyết có cơ sở, đúng pháp luật. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về chi phí thẩm định, án phí không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Từ các lập luận trên,

QUYẾT ĐỊNH:

I/ Căn cứ khoản 1 Điều 241, Điều 242, 348, 349 của Luật tố tụng hành chính năm 2015, tuyên xử bác kháng cáo của bà Trần Thị Đ, giữ nguyên quyết định tại bản án hành chính sơ thẩm số 10/2018/HC-ST ngày 19/6/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình, cụ thể:

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng Hành chính 2015; Điều 203 Luật đất đai năm 2013, xử bác yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Đ, ông Dương Văn L về yêu cầu huỷ quyết định giải quyết tranh chấp đất đai số 3984/QĐ-UBND ngày 14/12/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Bình.

II/ Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Về án phí sơ thẩm: Bà Trần Thị Đ, ông Dương Văn L được miễn án phí hành chính sơ thẩm; hoàn trả lại vợ chồng bà Đ, ông L 300.000 đồng tạm ứng án

phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0004975 ngày 05/01/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình.

Về án phí phúc thẩm: Bà Đ kháng cáo không được chấp nhận phải chịu án phí hành chính phúc thẩm, nhưng được miễn vì là người cao tuổi.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ Pháp chế và Quản lý khoa học
Tòa án nhân dân tối cao;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng;
- Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình
(để thi hành);
- Lưu: Phòng lưu trữ; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đặng Kim Nhân